

ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH TÁC ĐỘNG CỦA NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG TRONG KẾ TOÁN ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ PHƯƠNG NGỌC HIỀN^{1*} - VÕ THỊ TUYẾT ANH¹ - TRẦN KIM NGÂN¹
- NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ¹ - NGUYỄN THỊ MỸ LINH¹

¹Đại học Kiên Giang

¹Kien Giang University

Email: lpnghien@vnkgu.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/06/2026

Ngày sửa bài: 15/06/2026

Ngày duyệt đăng bài: 03/07/2026

Tóm tắt:

Dựa trên lý thuyết kế toán thực chứng, lý thuyết đại diện và lý thuyết chất lượng thông tin tài chính, nghiên cứu đề xuất mô hình phân tích tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE giai đoạn 2015-2024. Kết quả thực nghiệm từ các mô hình OLS, FEM, FGLS và thước đo thay thế ACCRUAL CONS đều cho thấy, thận trọng kế toán có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Sự nhất quán của các kết quả này khẳng định tính vững chắc của mô hình nghiên cứu, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò của nguyên tắc thận trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết.

Từ khóa: nguyên tắc thận trọng kế toán, hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, hose, chất lượng thông tin tài chính.

Proposed model of the impact of accounting conservatism on firm performance of listed companies on HoSE

Abstract:

Based on positive accounting theory, agency theory, and financial information quality theory, this study proposes a model examining the impact of accounting conservatism on firm performance. Empirical results from OLS, FEM, and FGLS models show a positive relationship between conservatism and firm performance. The findings confirm the robustness of the model and highlight the importance of conservatism in improving firm performance.

Keywords: accounting conservatism, firm performance, HOSE, financial information quality.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển ngày càng sâu rộng của thị trường vốn, chất lượng thông tin tài chính được xem là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp niêm yết, báo cáo tài chính không chỉ là công cụ phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh mà còn là cơ sở để nhà đầu tư, chủ nợ và các bên liên quan đưa ra quyết định kinh tế. Trong đó, nguyên tắc thận trọng kế toán được coi là một cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm tính trung thực và độ tin cậy của thông tin tài chính thông qua việc ghi nhận kịp thời các khoản tổn thất, đồng thời hạn chế xu hướng ghi nhận quá mức tài sản, doanh thu và lợi nhuận. Việc vận dụng nguyên tắc này được kỳ vọng sẽ góp phần giảm bất cân xứng thông tin, hạn chế hành vi quản trị lợi nhuận và nâng cao hiệu quả giám sát đối với hoạt động của nhà quản lý.

Dưới góc độ lý thuyết kế toán thực chứng, lý thuyết đại diện và lý thuyết chất lượng thông tin tài chính, thận trọng kế toán được xem là một cơ chế giúp giảm chi phí đại diện, tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng báo cáo tài chính. Tuy nhiên, các nghiên cứu thực nghiệm trước đây về tác động của thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp vẫn đưa ra những kết quả chưa thống nhất. Một số nghiên cứu cho rằng, thận trọng kế toán góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động và gia tăng giá trị doanh nghiệp thông qua việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính, trong khi một số nghiên cứu khác lại cho thấy tác động không đáng kể hoặc tiêu cực do ảnh hưởng của việc ghi nhận tổn thất sớm đến kết quả kinh doanh trong ngắn hạn. Sự khác biệt này cho thấy mối quan hệ giữa thận trọng kế toán và hiệu quả hoạt động vẫn cần được tiếp tục kiểm định trong các bối cảnh nghiên cứu khác nhau.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về nguyên tắc thận trọng kế toán còn tương đối hạn chế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE. Bên cạnh đó, phần lớn các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào một hoặc một số chỉ tiêu hiệu quả hoạt động nhất định, trong khi chưa xem xét đồng thời cả hiệu quả hoạt động dưới góc độ kế toán và giá trị thị trường. Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu này, bài viết tập trung xây dựng mô hình thực nghiệm nhằm phân tích tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên HOSE giai đoạn 2015-2024. Hiệu quả hoạt động được đo lường thông qua các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS và Tobin's Q, kết hợp với các biến kiểm soát phản ánh đặc điểm doanh nghiệp. Nghiên cứu kỳ vọng sẽ cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về vai trò của nguyên tắc thận trọng kế toán đối với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường vốn Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu trước đây đã dành nhiều sự quan tâm đến tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đối với hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, tuy nhiên kết quả thực nghiệm vẫn chưa đạt được sự đồng thuận. Theo quan điểm của lý thuyết đại diện và lý thuyết chất lượng thông tin tài chính, việc áp dụng thận trọng kế toán giúp hạn chế bất cân xứng thông tin, giảm hành vi cơ hội của nhà quản lý và nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính. Nhiều nghiên cứu quốc tế như Ahmed et al. (2007), Sana'a et al. (2016), El-Habashy et al. (2019) và Shubita et al. (2021) cho thấy thận trọng kế toán có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động, được thể hiện qua các chỉ tiêu như ROA, ROE, ROS và giá trị thị trường doanh nghiệp. Các tác giả cho rằng, việc ghi nhận tổn thất kịp thời và hạn chế xu hướng ghi nhận quá mức lợi nhuận góp phần nâng cao chất lượng thông tin tài chính và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Tuy nhiên, không phải tất cả các nghiên cứu đều cho kết quả nhất quán. Ismail et al. (2011), Lyimo (2014), Leon et al. (2020) và Al-Fasfus et al. (2022) ghi nhận, tác động của thận trọng kế toán có thể không đáng kể hoặc chỉ ảnh hưởng đến một số khía cạnh nhất định của hiệu quả hoạt động. Điều này cho thấy, ảnh hưởng của nguyên tắc thận trọng phụ thuộc vào đặc điểm doanh nghiệp, môi trường thể chế, phương

pháp đo lường cũng như bối cảnh nghiên cứu. Sự khác biệt trong kết quả thực nghiệm phản ánh rằng mối quan hệ giữa thận trọng kế toán và hiệu quả hoạt động vẫn là chủ đề cần được tiếp tục kiểm định.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về nguyên tắc thận trọng kế toán còn tương đối hạn chế và chủ yếu tập trung vào việc vận dụng giá trị hợp lý hoặc đánh giá tác động của thận trọng đến giá trị doanh nghiệp. Nghiên cứu của Uyên (2018) cho thấy thận trọng kế toán góp phần nâng cao giá trị doanh nghiệp, trong khi Hùng (2023) lại tìm thấy tác động tiêu cực của thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên HNX. Những kết quả trái chiều này cho thấy chưa có sự thống nhất về vai trò của nguyên tắc thận trọng trong bối cảnh Việt Nam. Đồng thời, các nghiên cứu hiện nay còn hạn chế về phạm vi mẫu, thời gian nghiên cứu và chưa xem xét đồng thời nhiều chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung bằng chứng thực nghiệm về tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE trong giai đoạn 2015-2024, qua đó góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc vận dụng nguyên tắc thận trọng trong kế toán tại Việt Nam.

3. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được xây dựng trên nền tảng của lý thuyết kế toán thực chứng, lý thuyết đại diện và lý thuyết chất lượng thông tin tài chính nhằm giải thích mối quan hệ giữa nguyên tắc thận trọng kế toán và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Theo lý thuyết đại diện của Jensen và Meckling (1976), sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền quản lý làm phát sinh xung đột lợi ích giữa cổ đông và nhà quản trị. Trong điều kiện đó, nhà quản trị có thể thực hiện các hành vi cơ hội như quản trị lợi nhuận hoặc che giấu các thông tin bất lợi để tối đa hóa lợi ích cá nhân. Nguyên tắc thận trọng kế toán được xem là một cơ chế kiểm soát hữu hiệu giúp hạn chế việc ghi nhận quá mức tài sản, doanh thu và lợi nhuận, đồng thời yêu cầu ghi nhận kịp thời các khoản tổn thất và nghĩa vụ tiềm tàng. Nhờ đó, tính minh bạch của báo cáo tài chính được nâng cao, chi phí đại diện được giảm bớt và hiệu quả hoạt động doanh nghiệp có điều kiện được cải thiện.

Dưới góc độ lý thuyết chất lượng thông tin tài chính, thông tin kế toán chỉ thực sự hữu ích khi bảo đảm các đặc tính như tính trung thực, độ tin cậy, khả năng kiểm chứng và tính kịp thời. Việc áp dụng nguyên tắc thận trọng giúp hạn chế tình trạng đánh giá quá cao kết quả kinh doanh, từ đó nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư, chủ nợ và các bên liên quan. Khi thông tin tài chính trở nên đáng tin cậy hơn, bất cân xứng thông tin trên thị trường được giảm thiểu, niềm tin của nhà đầu tư được củng cố và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp được cải thiện. Điều này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực mà còn hỗ trợ gia tăng giá trị doanh nghiệp trong dài hạn.

Bên cạnh đó, theo quan điểm của lý thuyết kế toán thực chứng của Watts và Zimmerman (1986), các phương pháp và chính sách kế toán được lựa chọn nhằm đáp ứng các động cơ kinh tế và các mối quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp với các bên liên quan. Thận trọng kế toán được xem là một cơ chế giúp giảm rủi ro hợp đồng, hạn chế tranh chấp giữa các bên và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư cũng như chủ nợ. Việc ghi nhận tổn thất kịp thời giúp phản ánh trung thực hơn tình hình tài chính của doanh nghiệp, hỗ trợ quá trình ra quyết định kinh tế và nâng cao hiệu quả quản trị. Trên cơ sở các lập luận lý thuyết này, nghiên cứu kỳ vọng rằng nguyên tắc thận trọng kế toán có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính, giảm chi phí đại diện và tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

4. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên lý thuyết đại diện, lý thuyết tín hiệu và lý thuyết bất cân xứng thông tin, nguyên tắc thận trọng kế toán được kỳ vọng góp phần nâng cao chất lượng thông tin tài chính, hạn chế hành vi cơ hội của nhà

quản trị và giảm chi phí đại diện. Việc ghi nhận tổn thất kịp thời giúp doanh nghiệp sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả quản trị và củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm như Sana'a (2016), Shubita (2021), El-Habashy et al. (2019) và Penman và Zhang (2002) cũng cho thấy thận trọng kế toán có khả năng cải thiện hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giả thuyết, nguyên tắc thận trọng kế toán có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết trên HOSE, được đo lường thông qua các chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS) và giá trị thị trường doanh nghiệp (Tobin's Q). Cụ thể:

H1: Nguyên tắc thận trọng trong kế toán có tác động tích cực đến ROA.

H2: Nguyên tắc thận trọng trong kế toán có tác động tích cực đến ROE.

H3: Nguyên tắc thận trọng trong kế toán có tác động tích cực đến ROS.

H4: Nguyên tắc thận trọng trong kế toán có tác động tích cực đến Tobin's Q.

5. Đề xuất mô hình nghiên cứu

Kế thừa các nghiên cứu của Ahmed và Duellman (2007), Sana'a (2016), Shubita (2021) và Nguyen và Nguyen (2024), nghiên cứu xây dựng các mô hình hồi quy dữ liệu bảng nhằm đánh giá tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động được đo lường thông qua các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS và Tobin's Q. Mô hình tổng quát được đề xuất như sau:

$$PERF_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 CONS_ACC_{i,t} + \beta_2 SIZE_{i,t} + \beta_3 LEV_{i,t} + \beta_4 TANG_{i,t} + \varepsilon_{i,t}$$

Trong đó, $PERF_{i,t}$ lần lượt đại diện cho các biến phụ thuộc gồm ROA, ROE, ROS và Tobin's Q của doanh nghiệp (i) tại thời điểm (t); $CONS_ACC$ là biến đo lường mức độ thận trọng kế toán; $SIZE$, LEV và $TANG$ là các biến kiểm soát phản ánh quy mô doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính và tỷ trọng tài sản hữu hình.

Trên cơ sở các lý thuyết nền tảng và bằng chứng thực nghiệm trước đây, nghiên cứu kỳ vọng hệ số β_i mang dấu dương, phản ánh tác động tích cực của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp. Để kiểm định độ vững của kết quả, các mô hình được ước lượng bằng phương pháp OLS dữ liệu bảng kết hợp kiểm soát hiệu ứng năm và ngành, đồng thời thực hiện các kiểm định độ vững thông qua mô hình tác động cố định (FEM), phương pháp FGLS và biến đại diện thay thế cho thận trọng kế toán.

6. Kết Luận

Tóm lại, các nền tảng lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm trước đây cho thấy nguyên tắc thận trọng kế toán có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính, giảm bất cân xứng thông tin và hạn chế hành vi cơ hội của nhà quản trị. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về tác động của thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp vẫn chưa thống nhất, đặc biệt trong bối cảnh các thị trường mới nổi như Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất mô hình thực nghiệm nhằm kiểm định tác động của nguyên tắc thận trọng kế toán đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE thông qua các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS và Tobin's Q ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Tài chính. (2002). Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
Hùng, Đ. T., Anh, N. T. L., Lê Thuý, N., Quyên, M. T., & Lê Yến Nhi, V. D. L. (2023). Ảnh hưởng của tính thận trọng trong kế toán đến hiệu quả hoạt động của công ty: Bằng chứng từ các công ty niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, 253.

- Nguyen, T. X. H., Nguyen, T. H., & Pham, D. C. (2023). The impact of accounting conservatism on return on assets in construction and real estate enterprises listed in Vietnam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển (Journal of Economics and Development)*, (311), 23-32.
- Ahmed, A. S., & Duellman, S. (2007). Accounting conservatism and board of directors characteristics: An empirical analysis. *Journal of Accounting and Economics*, 43(2-3), 411-437.
- Al-Fasfus, F. S., Al-Rawashdeh, A. M., Al-Theebbeh, Z. A., & Al-Enabi, H. (2022). The impact of accounting conservatism on financial performance in services companies listed on Amman Stock Exchange. *Academic Journal of Interdisciplinary Studies*, 11(4), 1-15.
- Ball, R., & Shivakumar, L. (2005). Earnings quality in UK private firms: Comparative loss recognition timeliness. *Journal of Accounting and Economics*, 39(1), 83-128.
- Barney, J. (1997). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.
- Basu, S. (1997). The conservatism principle and the asymmetric timeliness of earnings. *Journal of Accounting and Economics*, 24(1), 3-37.
- Chan, K., Chan, L., Jegadeesh, N., & Lakonishok, J. (2006). Earnings quality and stock returns. *Journal of Business*, 79, 1041-1082.
- Financial Accounting Standards Board. (1980). Statement of Financial Accounting Concepts No. 2: Qualitative characteristics of accounting information.
- Garcia Lara, J. M., Garcia Osma, B., & Penalva, F. (2009). Accounting conservatism and corporate governance. *Review of Accounting Studies*, 14, 161-201.
- Givoly, D., & Hayn, C. (2000). The changing time-series properties of earnings, cash flows and accruals: Has financial reporting become more conservative? *Journal of Accounting and Economics*, 29(3), 287-320.
- Goddard, J., Tavakoli, M., & Wilson, J. O. S. (2005). Determinants of profitability in European manufacturing and services: Evidence from a dynamic panel data. *Applied Financial Economics*, 15(18), 1269-1282.
- International Accounting Standards Board. (2018). Conceptual framework for financial reporting.
- Nguyen, H. T., & Nguyen, H. T. X. (2024). Accounting conservatism and financial performance through book value: Evidence from manufacturing enterprises listed in Vietnam. *International Journal of Applied Economics, Finance and Accounting*, 20(2), 201-211.
- Penman, S., & Zhang, X. (2002). Accounting conservatism, the quality of earnings, and stock returns. *The Accounting Review*, 77(2), 237-264.
- Sana'a, N. M. (2016). The effect of accounting conservatism on financial performance indicators in the Jordanian insurance companies. *Journal of Internet Banking and Commerce*, 21(1), 1-16.
- Shubita, M. F. (2021). Accounting conservatism and profitability of commercial banks: Evidence from Jordan. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(6), 145-151.
- Watts, R. L. (2003). Conservatism in accounting Part I: Explanations and implications. *Accounting Horizons*, 17, 207-221.
- Watts, R. L., & Zimmerman, J. L. (1986). *Positive accounting theory*. Prentice-Hall.